

Số: 24a /QĐ-LNQN

Gia Lai, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành sổ tay khai thác rừng trồng tác động thấp (RIL)
Của công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP QUY NHƠN

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch doanh nghiệp do luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi bổ sung năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ các tiêu chuẩn của FSC về chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

Căn cứ đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kỹ thuật – QLVR Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là: Sổ tay khai thác rừng trồng tác động thấp (RIL) của Công ty.

Điều 2: Ban giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ, các Đội QLBR trực thuộc và cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát các hoạt động khai thác rừng trồng của Công ty thực hiện theo nội dung trong sổ tay này; những quy định trước đây trái với những nội dung được thể hiện trong sổ tay đều bị bãi bỏ.

Điều 3: Ban giám đốc, các phòng ban Công ty, các Đội QLBR trực thuộc và cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch Cty;
- Lưu: VT, Ban FSC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Cải Minh Tùng

SỔ TAY KHAI THÁC RỪNG TRỒNG TÁC ĐỘNG THẤP (RIL)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 249/QĐ-LNQN

ngày 12 tháng 01 năm 2026)

I. GIỚI THIỆU

Khai thác giảm thiểu tác động hay còn gọi là khai thác tác động thấp (Reduced Impact Logging – RIL), có thể hiểu là một hệ thống các biện pháp từ khâu lập kế hoạch đến thiết kế khai thác rừng trồng, triển khai thực hiện các hoạt động (như làm đường, làm kho bãi gỗ, kỹ thuật khai thác, chặt hạ, vận xuất, vận chuyển, xử lý thực bì sau khai thác, xử lý môi trường sau khai thác) và giám sát đánh giá mà các kỹ năng của hệ thống các biện pháp này được cải thiện nhằm đảm bảo khai thác đạt hiệu quả kinh tế cao, không gây tác động xấu đến môi trường, bảo đảm an toàn cho người lao động và đặc biệt đảm bảo rừng được tái tạo với năng suất, chất lượng rừng, đất rừng ngày càng cải thiện. Đây cũng chính là mục tiêu của khai thác tác động thấp.

Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn với 3 loài cây trồng chính là Keo lai (*Acacia hybrid*), Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis*) và Bạch đàn (*Eucalyptus urophylla*) trồng mới hoạt tái sinh chồi trên toàn bộ đất lâm nghiệp do Công ty quản lý, vì vậy trong sổ tay hướng dẫn khai thác tác động thấp này sẽ tập trung cho đối tượng là 3 loài cây nói trên.

II. Các định nghĩa và thuật ngữ

Hướng dẫn khai thác tác động thấp bao gồm nhiều định nghĩa và thuật ngữ được giải thích dưới đây:

1. Khu vực bảo vệ hành lang ven sông, suối

“Khu vực bảo vệ hành lang ven sông, suối” hiện nay được gọi là “Khu vực kết nối đa dạng sinh học” và là khu vực nằm dọc theo các sông, suối, kênh rạch dùng cho mục tiêu bảo vệ môi trường, sinh thái, sinh hoạt không được tác động vào; được khoanh vẽ trên bản đồ và đánh dấu trên hiện trường. Khu bảo vệ hành lang ven sông, suối cần được nêu trong bản hợp đồng khai thác.

2. Vùng đệm hai bên sông, suối

“Vùng đệm hai bên sông, suối” là khu vực tiếp giáp với sông, suối mà ở đó các hoạt động khai thác rừng bị hạn chế. Khai thác chỉ được phép khi tán cây

nào đó ngã ra ngoài vùng đệm và cách xa sông, suối. Vùng đệm phải được khoanh lại trên bản đồ, chiều rộng tối thiểu của vùng đệm ở mỗi bên là tính từ mép sông, suối theo quy định hiện hành.

3. Khu vực chừa lại

“Khu vực chừa lại” là khu vực không được khai thác, phải để lại cho mục đích bảo tồn hoặc cho mục đích khác. Những khu vực như vậy cũng phải đánh dấu trên bản đồ.

4. Đường vận xuất chính

“Đường vận xuất chính” là đường vận xuất được đánh dấu trên bản đồ cũng như trên hiện trường. Đây là đường vận xuất gỗ từ khu chặt hạ xuống bãi gom.

5. Bãi gỗ dọc đường

“Bãi gỗ dọc đường” là khu vực chứa gỗ tạm thời bên cạnh đường, đã được xác định khi thiết kế đường vận chuyển.

6. Đường vận xuất phụ

“Đường vận xuất phụ” là đường vận xuất trước khi kéo gỗ ra đường vận xuất chính.

7. Khu vực không thể khai thác

“Khu vực không thể khai thác” là khu vực nằm trong tiểu khu được phép khai thác, nhưng cần phải để chừa lại. Khu vực này phải chừa lại là vì có độ dốc vượt quá 30 độ và có diện tích lớn hơn 2 ha. Ở những nơi có độ dốc lớn hơn 30 độ, hoạt động khai thác gỗ chỉ được phép khi có thể vận chuyển gỗ tròn ra ngoài bằng máy tời nhưng không cần mở đường vận xuất trong khu vực đó.

8. Cổng thoát nước ngang

“Cổng thoát nước ngang” là cơ cấu tự thoát nước hoặc rãnh thoát nước được xây dựng trên đường vận xuất và vận chuyển tạm thời ở nơi không có xe cộ lưu thông, chúng ngăn hoạt làm đổi hướng dòng chảy trên bề mặt đường. Hệ thống rãnh hai bên đường có thảm thực vật che phủ có tác dụng giảm xói mòn đất.

III. Kỹ thuật khai thác tác động thấp

1. Kỹ thuật lâm sinh trong khai thác, phương thức khai thác tái sinh theo hướng bền vững

1.1. Phương thức khai thác

Có hai phương thức khai thác chính được áp dụng trong sản xuất

a) Khai thác trắng

Đây là phương thức chủ yếu áp dụng đối với rừng trồng cung cấp gỗ nguyên liệu (chu kỳ kinh doanh gỗ nguyên liệu là 7 năm). Về nguyên lý, phương thức chặt trắng áp dụng cho rừng trồng đồng tuổi và có đủ điều kiện trồng lại rừng ngay sau khi khai thác.

b) Khai thác chọn:

Áp dụng cho các đối tượng sau

- Rừng có yêu cầu phòng hộ và bảo vệ môi trường cao, ở những nơi có độ dốc cao, địa hình chia cắt mạnh.

- Chuyển hóa rừng trồng từ gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

Tùy theo loài cây, mục đích kinh doanh, điều kiện tự nhiên và phương thức gây trồng mà lựa chọn phương thức khai thác thích hợp. Đi kèm với phương thức khai thác có các biện pháp xử lý lâm sinh phù hợp.

1.2. Các phương thức khai thác và xử lý lâm sinh cụ thể

Các phương thức khai thác và xử lý lâm sinh được áp dụng cho các mô hình trồng rừng đã được trình bày trong hướng dẫn xây dựng kế hoạch quản lý rừng (Mục phương thức kinh doanh rừng), cụ thể như sau:

a) Mô hình 1: Trồng cây mọc nhanh, chu kỳ ngắn, cung cấp gỗ nhỏ cho nguyên liệu dăm, giấy, ván sợi

- Khai thác trắng: đây là phương thức áp dụng chủ yếu đối với mô hình này

- Khai thác trắng tái sinh chồi. Đối tượng áp dụng: mô hình trồng rừng với loài cây Bạch đàn tái sinh chồi;

- Thời vụ chặt: chặt vào mùa khô đến đầu mùa mưa;

- Chiều cao gốc chặt: bằng 1/3 đường kính của cây.

- Gốc chặt được cắt vát để thoát nước.

- Tỉa chồi: 01 lần: khi chồi cao khoảng 1,5 – 2m, để lại 1 – 2 chồi.

Chồi để lại là chồi ở sát mặt đất, ở phía trên sườn dốc, có sức sinh trưởng mạnh, thân thẳng.

- Chu kỳ kinh doanh: rừng trồng gỗ nguyên liệu có chu kỳ kinh doanh 07 năm.

b) Mô hình 2: Trồng cây mọc nhanh, chu kỳ ngắn cung cấp gỗ nhỏ kết hợp chu kỳ dài cung cấp gỗ lớn

- Đối với Keo và Bạch đàn tỉa thưa 02 lần

- + Lần 1: Rừng trồng sau 4 – 5 năm, tiến hành khai thác tỉa thưa để lại 1100 – 1300 cây/ha để tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Lần 2: Rừng trồng sau 7 - 8 năm, tiến hành khai thác tỉa thưa để lại 600 – 800 cây/ha để tiếp tục nuôi dưỡng cung cấp gỗ lớn.

- Rừng trồng gỗ lớn có chu kỳ kinh doanh từ 10 đến 15 năm.

- Riêng với rừng trồng Bạch đàn ngoài cây để lại, những cây chặt có thể kinh doanh thêm một chu kỳ chồi 6 – 7 năm theo phương thức tái sinh chồi.

- Đối với 600 – 800 cây để lại, khi rừng đạt tuổi khai thác (10 – 15 năm), tiến hành khai thác trắng, trồng lại ngay trong năm khai thác. Riêng với Bạch đàn có thể áp dụng biện pháp tái sinh tự nhiên.

1.3. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong khai thác rừng trồng

1.3.1 Diện tích khai thác hàng năm

- Khi rừng trồng sản xuất được trồng theo cấu trúc diện tích chuẩn (diện tích trồng rừng hàng năm bằng nhau) thì diện tích khai thác hàng năm bằng nhau.

- Trong trường hợp rừng trồng không được trồng theo một cấu trúc diện tích

chuẩn thì diện tích khai thác hàng năm được tính toán theo nguyên tắc sau:

+ Bảo đảm khai thác rừng đúng tuổi khai thác;

+ Khối lượng khai thác giữa các năm chênh lệch không quá lớn (bảo đảm khối lượng ổn định giữa các năm), tránh gây những xáo trộn trong tổ chức sản xuất.

1.3.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật

a) Các chỉ tiêu lâm sinh trong khai thác

- Khai thác trắng toàn diện ở nơi độ dốc dưới 25^0 ; chặt trắng theo đám. Diện tích đám tương ứng với diện tích của lô rừng trồng.

- Ở nơi có độ dốc từ 25^0 trở lên:

+ Khai thác theo đám, đám khai thác có thể là các lô có diện tích nhỏ dưới ≤ 3 ha.

+ Khai thác theo băng: chiều rộng băng chặt không quá 60m và được bố trí song song với đường đồng mức. Chiều rộng băng chừa thấp nhất bằng $\frac{1}{2}$ chiều rộng băng chặt.

Chỉ được khai thác tiếp các băng, đám chừa lại sau khi rừng ở băng hoạt động chặt liền kề được trồng lại.

* Lưu ý: Khuyến khích khai thác chọn, đặc biệt là nơi có độ dốc 20 – 25 độ, cường độ khai thác chọn không quá 40%; nơi có độ dốc trên 25 độ, cường độ tối đa là 20%.

b) Xác định các khu loại trừ (chừa lại)

Khu loại trừ là các khu không khai thác hoạt áp dụng biện pháp khai thác thích hợp để không ảnh hưởng đến môi trường, các khu vực này bao gồm:

- Rừng đáp ứng những nhu cầu cơ bản của các cộng đồng địa phương hoạt có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, tín ngưỡng, kinh tế, môi trường đối với cộng đồng địa phương;

- Diện tích rừng nằm ở lưu vực nội thủy của nguồn nước;

- Hành lang rừng bảo vệ dọc theo các sông, suối, xung quanh các hồ đập, công trình thủy lợi nhỏ; rừng ở hai bên đường giao thông: Diện tích để lại khoảng 5 đến 20m;

- Rừng ở nơi có độ dốc lớn hơn 30°;

- Đất ở các khe cạn có cây tái sinh tự nhiên (cây bụi, chuối rừng, tre, nứa...) không tiến hành trồng rừng;

- Rừng ở nơi có mục đích bảo tồn loài và đa dạng sinh học;

- Những diện tích đất nhỏ, có độ phì cao, xen kẽ trong các lô đất trống trọc; có cây tái sinh tự nhiên có giá trị kinh tế, cần giữ lại không tiến hành trồng rừng, bảo vệ để tái sinh và phát triển tự nhiên những diện tích này, khi cây rừng đạt tiêu chuẩn khai thác có thể tiến hành khai thác chọn.

c) Tỷ lệ lợi dụng

Tỷ lệ lợi dụng là tỷ thể tích gỗ khúc thân, gỗ cành ngọn (gỗ nhỏ, củi) so với thể tích gỗ cây đứng đạt yêu cầu của sản phẩm.

- Kinh doanh gỗ nhỏ: gỗ khúc thân tối thiểu 70%; cành ngọn (củi) khoảng 7 – 10%, còn lại là phế liệu.

- Kinh doanh gỗ lớn: gỗ khúc thân tối thiểu 70%; gỗ nhỏ khoảng 10%, củi khoảng 10%.

2. Lập kế hoạch khai thác rừng trồng

Điểm mấu chốt trong việc lập kế hoạch khai thác là phải lựa chọn được phương án khai thác đạt các yêu cầu sau: i) Được xã hội chấp nhận; ii) Khả thi về kinh tế; iii) Có thể thực hiện được.

- Việc lập kế hoạch khai thác để đảm bảo các giá trị của khu rừng được bảo vệ và sử dụng ở mức cao nhất.

- Tài nguyên đất, tài nguyên rừng của khu vực khai thác được tác động sao cho mang lại nhiều lợi ích và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực về môi trường, kinh tế và xã hội, hài hòa giữa các lợi ích và quyền lợi của các bên có liên quan trong khu vực.

2.1. Kế hoạch khai thác dài hạn

Được lập trong phương án quản lý rừng bền vững của Công ty. Thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch khai thác bao gồm:

- Ranh giới tiểu khu, khoảnh, lô;
- Đề xuất hệ thống đường vận xuất, vận chuyển;
- Vùng đệm sông, suối;
- Vùng có độ dốc lớn hơn 30 độ.

2.2. Kế hoạch khai thác hàng năm

a) Mục đích, yêu cầu

- Xây dựng một kế hoạch hoạt động khai thác rừng trồng cụ thể trong năm, trong đó xác định được các chỉ tiêu kế hoạch cần thực hiện; đặc biệt là các chỉ tiêu quang trọng như diện tích, khối lượng gỗ khai thác theo loài cây và theo chuẩn loại sản phẩm, theo các đơn vị trực thuộc. Ngoài ra xác định được các chỉ tiêu khác có liên quan đến hoạt động khai thác.

- Kế hoạch khai thác hàng năm phải hài hòa với kế hoạch của các năm trước và những năm kế tiếp, tránh gây những xáo trộn lớn trong tổ chức sản xuất, nhưng đồng thời phải mềm dẻo, phù hợp với biến động của kinh tế thị trường để đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

b) Căn cứ để xây dựng

- Căn cứ vào thực trạng diện tích rừng trồng hiện có và dựa vào kế hoạch dài hạn để xác định chỉ tiêu kế hoạch hàng năm cho phù hợp. Kế hoạch hàng năm không hoàn toàn phải theo kế hoạch dài hạn, mà có thể thay đổi, tuy nhiên phải đảm bảo các năm trong luân kỳ có khai thác với sản lượng tương đối bằng nhau (biến động khoảng 10 – 20%) năm nay khai thác nhiều thì năm sau hoạt năm sau nữa giảm bớt.

- Phải căn cứ vào tình hình thị trường (giá cả gỗ, khả năng tiêu thụ) để quyết định khối lượng, chủng loại gỗ khai thác. Ví dụ: giá gỗ tăng đột xuất, chủ rừng có thể quyết định tăng khối lượng gỗ khai thác so với các năm (bằng cách khai thác sớm một số diện tích), nhưng tăng bao nhiêu cần phải tính toán để tránh gây hẫng hụt cho các năm sau và cần đề phòng giá gỗ còn có thể tăng tiếp; tránh tình trạng làm phá vỡ kế hoạch khai thác, trồng rừng của phương án quản lý rừng bền vững.

c) Nội dung và phương pháp xây dựng

* Kế hoạch bảo vệ và xử lý các khu vực loại trừ:

Không tiến hành khai thác hoặc khai thác theo một phương pháp thích hợp khác để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, nguồn nước, khu dân cư.

Kế hoạch phải thể hiện được địa điểm, diện tích các loại rừng trồng cần chừa lại, các phương pháp tác động thích hợp với từng khu rừng trồng.

* Kế hoạch khai thác cụ thể cho một năm, bao gồm các nội dung sau:

- Xác định tổng khối lượng gỗ khai thác, phân theo loài cây, chủng loại sản phẩm.

- Xác định vị trí, diện tích các khu khai thác trong năm theo chủ rừng, xác định thứ tự các lô khai thác (từ lô thứ nhất đến lô cuối cùng) để thuận tiện cho việc vận xuất, vận chuyển gỗ. Ví dụ: nơi khó, nơi xa, nơi dốc làm vào mùa khô; nơi dễ, nơi gần làm vào mùa mưa...

- Xác định tiến độ thực hiện

Kế hoạch khai thác rừng trồng hàng năm, được thống kê theo biểu sau:

Tiểu khu	Khoảnh	Tên lô	Diện tích (ha)	Tuổi (năm)	D _{1,3} bình quân (cm)	H _{VN} bình quân (m)	Trữ lượng (m ³)		Dự kiến sản lượng gỗ (m ³)		Thời gian khai thác	Đội quản lý
							Ha	Lô	Ha	Lô		
Tổng												

3. Kế hoạch làm đường vận xuất, vận chuyển, kho bãi gỗ

Căn cứ vào hệ thống đường dự kiến trong kế hoạch quản lý rừng, dựa vào địa hình của khu sắp đưa vào khai thác và vị trí của khu khai thác trong những năm sau để xác định và lập kế hoạch mở đường vận xuất, kho bãi gỗ cho hợp lý và đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, kinh tế và môi trường, bảo đảm tính kế thừa sử dụng qua các năm.

Quy hoạch đường vận xuất là cực kỳ quan trọng và phải được thực hiện thật cẩn thận nhằm giảm thiểu tác động xấu. Quy hoạch đường vận xuất cần tuân theo hướng dẫn sau:

- Tận dụng đường vận xuất, vận chuyển cũ đã có trong lô; hạn chế tối đa mở mới đường vận xuất, vận chuyển.

- Đường vận xuất cần tránh xa các sông, suối và đi thẳng vào bãi gom gỗ trên khu đất nhô cao. Thông thường đường vận xuất trên sườn đồi sẽ phân tán

nước ngay trên đường, trong khi nếu đường vận xuất được thiết kế ở dưới thấp sẽ gom nước và làm tăng thêm khả năng xói mòn và sạt lở đất;

- Đường vận xuất cần tránh xa các sông suối và cống thoát nước;
- Ở nơi nào có thể, đường vận xuất phải xây dựng sao cho giảm thiểu khối lượng đất phải đào đắp và tạo điều kiện tiêu thoát nước tối đa;
- Đường vận xuất phải được thiết kế sao cho giảm tối thiểu: khoảng cách vận xuất; độ dốc; số lần cắt ngang suối;
- Kế hoạch cần thể hiện số km đường, một số thông số kỹ thuật chính như kích thước đường và sơ đồ vị trí đường; vị trí bãi gỗ;

* Bãi gỗ cần xây dựng ở địa điểm: ưu tiên không xây dựng bãi gỗ, chọn những bãi đất trống gần đường vận xuất, vận chuyển để làm bãi gỗ.

- Cạnh đường chính, đường thứ cấp hoặc đường nhánh;
- Ngoài vùng khai thác;
- Ngoài vùng đệm ven sông suối;
- Khu thuận tiện gom gỗ từ đường vận xuất;
- Khu khô ráo, trên khu đất hơi cao;
- Nơi có độ dốc thấp nhằm giảm khối lượng đào đắp;
- Trên khu đất hơi nhô cao nhằm phân tán dòng chảy vào khu vực có thảm thực vật che phủ;
- Vị trí các bãi gỗ phải được chỉ ra trên bản đồ thiết kế khai thác.

4. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

- Phân loại sản phẩm tiêu thụ
- Gỗ cưa hạ, cắt khúc được vận chuyển đến nhà máy ngay trong ngày, tránh làm khô gỗ.
- Xác định biện pháp tiêu thụ sản phẩm
- Xác định các đối tác tiêu thụ sản phẩm theo khối lượng và chuẩn loại gỗ
- Xác định chi phí sản xuất
- Xây dựng giá thành sản phẩm

5. Kế hoạch áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trước, trong và sau khi khai thác

Biện pháp kỹ thuật lâm sinh phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, loài cây trồng, loại rừng trồng, mục tiêu kinh doanh và không gây tác động xấu cho môi trường.

a) Kế hoạch quản lý

- Quản lý thông tin, dữ liệu, bản đồ, hồ sơ
- Quản lý, điều hành tiến độ thực hiện
- Quản lý sản xuất
- Quản lý tiêu thụ

b) Kế hoạch kiểm tra, đánh giá trong và sau khai thác

Xác định các chỉ tiêu kiểm tra, đánh giá các tác động về kinh tế, xã hội, môi trường.

Xác định phương pháp kiểm tra, chế độ kiểm tra, nội dung kiểm tra, thời gian kiểm tra.

IV. Thiết kế khai thác

Căn cứ kế hoạch khai thác của năm đã xây dựng để thiết kế khai thác rừng trồng tác động thấp và được thực hiện theo 4 bước:

- Công tác chuẩn bị
- Điều tra, thiết kế khai thác hiện trường, đo tính diện tích khai thác, lập ô tiêu chuẩn (thiết kế ngoại nghiệp)
- Tính toán các yếu tố sản xuất, xác định diện tích khai thác, trữ lượng khai thác, dự toán khai thác, xây dựng bản đồ và hoàn chỉnh hồ sơ khai thác (tính toán nội nghiệp).
- Kiểm tra và trình duyệt.

1. Thủ tục khai thác

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

2. Công tác chuẩn bị

a) Thu thập hồ sơ và thông tin

- Bản đồ khu vực khai thác tỷ lệ 1:5000 (bản đồ thiết kế trồng rừng)
- Hồ sơ của khu rừng trồng (hồ sơ thiết kế rừng trồng, diện tích, loài cây, năm trồng)
- Kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm
- Các văn bản có liên quan đến khai thác rừng trồng (quy chế, quy trình, quy phạm).

- Tình hình thị trường, nguồn lao động.

b) Xác định các hoạt động khai thác cụ thể

Dựa vào kế hoạch khai thác, vào các quy định tại mục 1; xác định một số nội dung sau:

- Xác định các lô rừng dự kiến đưa vào khai thác trên bản đồ.
- Dự kiến hệ thống đường vận xuất và kho bãi gỗ trên bản đồ.
- Xác định phương thức khai thác và biện pháp tái sinh cho từng lô.
- Xác định thời gian khai thác: thời gian khai thác bắt đầu vào cuối mùa mưa và kết thúc chậm nhất vào cuối mùa khô của năm.
- Xác định đường kính đầu nhỏ của gỗ.
- Xác định tỷ lệ lợi dụng gỗ
- Xác định công nghệ khai thác: khai thác thủ công; dụng cụ cưa xẻ
- Xác định biện pháp vận xuất, vận chuyển: bằng xe cơ giới

3. Thiết kế ngoại nghiệp

a) Khảo sát hiện trường

Đối chiếu với bản đồ để điều chỉnh ranh giới cho phù hợp giữa bản đồ với thực tế, xác định độ cao, độ dốc, chia lô khai thác ở ngoài thực địa, đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đối với khai thác trắng theo đám, theo lô thì diện tích lô khai thác theo lô trồng rừng.
- Xác định thứ tự lô khai thác từ lô số 1 đến lô cuối cùng sao cho lô khai thác sau kế thừa được các thành quả của lô khai thác trước, giảm được chi phí sản xuất và giảm thiểu những tác hại đến rừng chưa khai thác, môi trường và nguồn nước.

- Xác định cường độ khai thác (đối với khai thác chọn)

b) Xác định những khu vực loại trừ

c) Đánh dấu

Sơn đường phân lô, khoảnh, đám khai thác và ranh giới khu vực loại trừ và khoanh vẽ trên bản đồ.

d) Lập ô đo đếm

Để xác định các yếu tố bình quân về chiều cao, đường kính, mật độ, trữ lượng theo quy trình điều tra rừng.

e) Bài cây chặt

Nếu khai thác chọn, tỉa thưa bài cây bằng dấu sơn ở hai vị trí 1,3m và 0,3m

g) Xác định hướng đổ của cây

Để đảm bảo giảm thiểu tác động môi trường, an toàn lao động và thuận lợi cho các công việc tiếp theo (cắt cành, cắt khúc, vận xuất). Đối với khai thác chọn phải xác định hướng đổ cho từng cây chặt, nếu khai thác trắng theo lô, đám, xác định hướng đổ chung cho cả khu vực khai thác. Không để cây đổ vào khu loại trừ cũng như các khu rừng chưa khai thác; giảm thiểu sự phá hoại cây con, cây chừa lại, cụ thể:

- Hướng đổ vào khe hở của các cây chừa lại
- Nơi có độ dốc lớn hơn 25^0 không được đổ dọc theo hướng dốc mà tạo với hướng dốc một góc lớn hơn 45^0 ;
- Nơi có độ dốc lớn hơn 10^0 những cây ở phía trên đường vận xuất, hướng đổ về phía trên sườn dốc, những cây ở phía dưới đường vận xuất hướng đổ về phía trên sườn dốc;
- Hướng đổ nên xuôi theo hướng gió chính;
- Hướng đổ không nên tấp vào các khe suối, nguồn nước làm cản trở dòng chảy và ô nhiễm nguồn nước;
- Trong điều kiện cho phép hướng đổ tốt nhất là tạo thành một góc 45^0 đối với đường vận xuất.

h) Thiết kế lán trại, trạm canh phòng, biển báo

Nhằm đảm bảo tiện lợi nơi ăn ở, đi lại cho công nhân khai thác cần có lán trại ở gần hiện trường, có tiện nghi cấp nước, lương thực nhưng cũng phải đảm bảo vệ sinh môi trường, chất thải, an toàn khi bố trí và chọn chất liệu tiện nghi.

Cần có biển báo khai thác để người dân biết, tránh tai nạn khi đi qua, hoạt ảnh hưởng tới canh tác ao, hồ, ruộng phía dưới dốc của vùng khai thác gỗ.

Lán trại phục vụ khai thác phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn FSC, lán trại đảm bảo chắc chắn, an toàn; có nhà bếp, nhà vệ sinh tách riêng với chỗ ngủ; có hố hoặc bao đựng rác thải, bao bì nilon.

4. Thiết kế nội nghiệp

- Hoàn chỉnh lại bản đồ đã được khoanh vẽ ngoài thực địa; xây dựng bản đồ khai thác hệ VN2000 múi chiếu 3^0 , tỷ lệ 1/5000.

- Căn cứ số liệu ngoại nghiệp để tính toán trữ lượng cây đứng, sản lượng gỗ thương phẩm, quy đổi ra tấn và được tổng hợp theo đơn vị lô, khoảnh, tiểu khu;

- Tính toán sản lượng thương phẩm theo cấp đường kính, nhóm gỗ (đối với kinh doanh gỗ lớn); gỗ nguyên liệu, gỗ gia dụng (nếu có).

- Tính toán khối lượng các công trình trong khu khai thác đường vận xuất, vận chuyển gỗ.

- Không xây dựng bãi gỗ, tận dụng những khoảng đất trống cạnh đường vận xuất, vận chuyển để tập kết gỗ.

- Xây dựng dự toán khai thác, tính toán nhân công, vật tư kỹ thuật, chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm;

- Biện pháp tiêu thụ sản phẩm;

- Biện pháp tạo lại rừng sau khai thác;

- Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ khai thác.

5. Dự báo về tác động sau khai thác

Cần dự báo về những tác động do các hoạt động khai thác gây ra như dọn vệ sinh rừng trước khai thác, chặt hạ cây, xây dựng đường vận xuất gỗ và các hoạt động thu gom gỗ.

6. Kiểm tra thiết kế và ra quyết định khai thác

Chủ rừng kiểm tra tính chính xác ở khâu thiết kế hiện trường, tính toán nội nghiệp, hoàn chỉnh hồ sơ khai thác, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết định khai thác hoặc chủ rừng phê duyệt quyết định khai thác theo quy định pháp luật hiện hành.

V. Khai thác

1. Bàn giao hiện trường khai thác

- Bàn giao tài liệu hồ sơ chủ yếu như hồ sơ thiết kế khai thác, bản đồ;

- Kiểm tra giao nhận ngoài hiện trường; giao nhận và kiểm tra lại ranh giới, diện tích, hiện trạng, khối lượng gỗ khai thác, thứ tự lô khai thác, công trình đường vận xuất, kho bãi gỗ và đối chiếu với hồ sơ thiết kế, nếu có bất hợp lý cần đề nghị chỉnh sửa bổ sung hồ sơ thiết kế;

- Các cam kết về an toàn, vệ sinh lao động;

- Thực hiện đúng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt và các tiêu chuẩn của FSC.

- Lập biên bản giao nhận rừng khai thác theo các nội dung bàn giao ở trên.

2. Chuẩn bị rừng trước khai thác

Nếu thực bì, dây leo bụi rậm nhiều phải luống phát trước khi khai thác. Nếu thực bì dây leo bụi rậm thưa, phát toàn bộ dây leo và cây bụi xung quanh gốc chặt (luống phát cục bộ) và hướng chạy của người khai thác (hướng 45⁰ đối diện với hướng đổ).

- Làm biển báo khu khai thác

- Mở mới và sửa chữa đường vận xuất, vận chuyển cũ: phải tuân theo quy định về khoảng cách các khu loại trừ và đồng thời phải lưu ý một số điểm sau:

- + Nên mở đường vận xuất vào mùa khô;

- + Tạo mặt bằng theo chiều ngang của đường để tránh gỗ lăn khi vận xuất;

- + Không để đất đá dọc hai bên lề đường và không đẩy đất đá, cành ngọn, rác rưởi vào dòng chảy;
- + Không được dùng thực bì để lấp đường;
- + Phải chặt cây sát mặt đất, những chỗ thay đổi dốc phải làm rãnh thoát nước ngang.

3. Chuẩn bị nhân lực, công cụ khai thác, vận xuất

- Bố trí nhân lực cụ thể cho từng khâu công việc;
- Chuẩn bị, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các công cụ chặt hạ: Cưa xăng, rựa, chuẩn bị xăng, dầu...;
- Chuẩn bị bảo hộ lao động cho các khâu công việc

4. Kỹ thuật chặt hạ cây

4.1. Chuẩn bị trước khi chặt

- Chọn hướng đổ: Căn cứ hướng đổ đã lựa chọn, trước khi chặt hạ phải xác định lại hướng đổ, chuẩn bị các công cụ hỗ trợ để cây đổ đúng hướng, sao cho cây đổ không gây tác hại đến cây còn để lại, thảm thực vật và khe suối, gây xói lở đất, tránh tác động đến vùng loại trừ, ngăn ngừa cây chống chày khi chặt hạ;

- Xác định thứ tự cây chặt: Căn cứ hướng đổ và thứ tự lô, băng khai thác, cần xác định thứ tự cây chặt hợp lý để đảm bảo an toàn lao động, không ảnh hưởng quá trình khai thác (không để cây đổ chồng chất lên nhau, ảnh hưởng đến hoạt động cắt cành, cắt khúc), quá trình vận xuất, và gây tác động môi trường;

- Xác định khoảng cách thi công: Khi có từ 2 người trở lên, cùng chặt hạ trên cùng một lô, một băng thì khoảng cách thi công giữa 2 người phải lớn hơn 1,5 – 2 lần chiều cao lớn nhất của cây trong khu khai thác.

- Phát dọn kỹ xung quanh gốc cây chặt, loại bỏ chướng ngại vật, dây leo còn sót lại sau khi chuẩn bị rừng.

- Phát dọn đường tránh khi cây đổ, đường tránh tạo thành một góc khoảng 135^0 với hướng đổ.

4.2. Chặt hạ

a) Đối với cây gỗ lớn ($D_{1,3} \geq 16\text{cm}$)

- Chiều cao gốc chặt càng thấp càng tốt, nhưng tối đa không quá $\frac{1}{2}$ đường kính gốc chặt, mặt cắt phải nhẵn (đối với khai thác để tái sinh chồi, chiều cao gốc chặt từ 5 – 10cm, mặt cắt gốc chặt phải vát 1 mặt hoặc 2 mặt và phải sửa gốc trong vòng 10 – 15 ngày sau khi chặt hạ).

- Mở miệng:

- + Mạch cắt thứ nhất (mạch cắt ngang), cắt vuông góc với thân cây và về phía hướng cây đổ có độ sâu bằng $\frac{1}{3}$ đường kính gốc tại vị trí chặt; mạch cắt

thứ hai (mạch cắt chéo), cắt chéo ở phía trên của mạch cắt ngang và tạo với mạch cắt ngang một góc từ $30 - 45^0$ (hình vẽ dưới đây).

+ Độ sâu mở miệng (L) tùy thuộc vào độ lệch của tán lá và độ nghiêng của

cây. Đối với cây có tán lá cân đối $L = (1/3 - 1/2)D$. Đối với cây có thân nghiêng từ $5^0 - 10^0$ hoặc tán cây lệch về hướng đổ, chiều sâu mở miệng nhỏ hơn $L = (1/5 - 1/4)D$.

- Cắt gậy: Mạch cắt gậy ở về phía đối diện với mạch mở miệng và vuông góc với thân cây, mạch cắt gậy phải cao hơn mạch ngang phía dưới của mở miệng từ $3 \div 4$ cm, chiều sâu của mạch cắt gậy thường cách điểm sâu nhất của mạch mở miệng từ $3 - 4$ cm khi cây bắt đầu đổ.

+ Chừa bản lề: Đối với cây có hướng đổ tự nhiên trùng với hướng đổ quy định thì bản lề được chừa là một hình chữ nhật, có chiều rộng từ $3 - 4$ cm, nếu hướng đổ của cây theo quy định khác với hướng đổ tự nhiên của cây, cần phải điều chỉnh hướng cây đổ (lái hướng cây đổ) bằng bản lề hình tam giác, đáy lớn của bản lề được để về phía cây đổ (tùy theo lái hướng nhiều hay ít mà đáy lớn của bản lề để to hay bé, thường đáy lớn của bản lề từ $3 \div 8$ cm ngoài ra có thể sử dụng các công cụ hỗ trợ như: nêm, sào móc, câu liềm...

+ Khi cây chuẩn bị đổ phải có hiệu lệnh cho những người xung quanh biết;

- Đối với khai thác để tái sinh chồi nên dùng cưa để khai thác (không nên dùng rựa, búa, rìu để khai thác);

- Xử lý cây chống chày: Nếu có cây bị chống chày thì phải xử lý ngay trước khi chặt cây khác, không dung tay để kéo trực tiếp hoặc chặt cây khác để đập vào cây chống chày. Có thể dùng dây buộc vào cây để kéo, dung đòn để bẩy cây hay dung đòn và néo để xoay cây. Đòn bẩy phải để ở vai về phía theo hướng trượt của cây.

b) Đối với cây gỗ nhỏ ($D_{1,3} < 16\text{cm}$)

Đối với cây gỗ nhỏ, sản phẩm chủ yếu là gỗ nguyên liệu, cây tương đối nhỏ, Công ty quy định riêng về kỹ thuật chặt hạ cây gỗ nhỏ như sau:

- Sử dụng duy nhất một mạch cắt ngang vuông góc với thân cây theo hướng cây đổ để cưa ngã cây.

- Chiều cao góc chặt càng thấp càng tốt, nhưng tối đa không quá $\frac{1}{2}$ đường kính góc chặt, mặt cắt phải nhẵn (đối với khai thác để tái sinh chồi, chiều cao

gốc chặt từ 5 – 10cm, mặt cắt gốc chặt phải vát 1 mặt hoặc 2 mặt và phải sửa gốc trong vòng 10 – 15 ngày sau khi chặt hạ).

- Xử lý cây chống chày: áp dụng tương tự đối với việc khai thác cây gỗ lớn ở mục 4.4.2.1.

5. Cắt cành, ngọn, bóc vỏ

Sau khi chặt hạ phải tiến hành ngay việc cắt cành, ngọn, bóc vỏ và phải hoàn thành trong ngày và theo thứ tự như sau:

- Cắt cành: Cắt cành phải sát thân cây (không tạo thành mấu làm khó khăn cho khâu bóc vỏ, vận xuất, vận chuyển) và cắt từ gốc đến ngọn, cắt các cành từ bên phải/trái đến cành ở phía trên, sau đó cắt cành ở phía dưới;

- Khi cắt không được đứng lên thân cây;

- Nếu trong khi chặt hạ, ngọn cây đổ vào khu vực dòng chảy, hồ đập cần phải thu dọn ngay, không làm ảnh hưởng đến dòng chảy, ô nhiễm nguồn nước và không làm ảnh hưởng đến thảm thực vật và xói mòn đất ở khu vực dòng chảy, hồ đập;

- Cắt ngọn: vị trí cắt ngọn tại điểm nhỏ nhất theo yêu cầu của quy cách sản phẩm để lợi dụng tối đa sản phẩm chính;

- Cắt khúc: thực hiện sau khi cắt ngọn, căn cứ quy cách của các loại sản phẩm để cắt khúc theo đúng quy cách, sai số chiều dài cho phép ± 10 cm và cắt từ gốc đến ngọn;

- Cắt cành, cắt ngọn, cắt khúc xong mới tiến hành chặt cây khác;

- Bóc vỏ đối với gỗ nguyên liệu: nên tiến hành ngay ở nơi khai thác nhằm trả lại chất hữu cơ cho đất, mặt khác tránh tập trung vỏ ở bãi gom/bãi gỗ gây ô nhiễm môi trường. Bóc vỏ ngay trong ngày, để tránh cây bị khô, khó bóc.

6. Vận xuất, xếp đóng và bảo quản gỗ

- Phân loại sản phẩm và xếp đóng: gỗ được xếp đóng theo từng chủng loại, kích thước của sản phẩm, mỗi đóng gỗ chỉ xếp vừa đủ cho một chuyến xe vận chuyển ($10 - 15 \text{ m}^3$), chiều cao mỗi đóng không quá 1,5 m.

- Vận xuất, vận chuyển: trong vòng 1 – 2 ngày sau khi chặt hạ phải vận xuất, vận chuyển gỗ đến nơi tiêu thụ, tránh làm khô gỗ.

VI. Hoạt động sau khai thác

1. Dọn rừng sau khai thác

- Các cành nhánh không tận dụng được sau khi khai thác phải băm đập chậm

nhất là sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động khai thác và được rải đều trên mặt đất hay giữa các hàng cây (đối với phương thức tái sinh chồi) và rải đều theo hàng, theo đường đồng mức (đối với phương thức trồng lại rừng mới), bề rộng của hàng và cự ly giữa các hàng tùy thuộc vào mật độ trồng lại rừng sau khai thác, bố trí sau cho thuận lợi đối với việc làm đất trồng rừng.

- Đối với nơi có độ dốc cao trên 25^0 , nơi có lượng thực bì dày, nơi dễ xảy ra cháy rừng cần dọn sạch cành lá, thu gom và đốt từng đồng có kiểm soát.

- Đối với phương thức tái sinh chồi, cần sửa lại các gốc cây chặt như gọt hết râu tôm và cắt lại gốc chồi quá cao (để lại 5 – 10 cm) sửa lại mặt cắt gốc (vát 1 mặt hoặc 2 mặt), xử lý các vết nứt gốc.

2. Xử lý môi trường

- Khắc phục nơi xói mòn, xạt lở đất khi làm đường và vận hành vận xuất, vận chuyển gỗ hoặc xây dựng lán trại.

- Xử lý chất thải, hóa chất từ xăng dầu, sinh hoạt bằng biện pháp thu gom, chôn sâu hoặc tiêu hủy;

- Khôi thông dòng chảy, nguồn nước bị ảnh hưởng, tắc nghẽn, bồi đắp do xói mòn đất;

- Xử lý các nguồn vật liệu dễ cháy, dễ phân hủy gây sâu bệnh.

- * Các khu vực dành cho lán trại

- Tắc cả các phế liệu, chất thải phải được di dời hoặc xử lý;

- Tắc cả những chỗ ứ đọng nước cần có biện pháp thoát nước;

- Các nhà tạm phải được dỡ bỏ, những nơi làm kho chứa nhiên liệu phải vệ sinh, san gạt sạch sẽ;

- Dọn sạch rác thải, bao bì ni long, đào hố chôn sâu hoặc đem về xử lý tại các nhà máy xử lý rác.

- Phải trồng cây trên các diện tích trống này;

- Không được cho rãnh nước chảy thẳng vào dòng chảy là nguồn nước sinh hoạt.

- * Bảo dưỡng hệ thống đường sau khai thác

- Tắc cả các rãnh thoát nước, đường ống, cống và cầu phải luôn luôn được kiểm tra kỹ lưỡng và sửa chữa trước mùa mưa và trong thời kỳ mưa lớn;

- Việc bảo dưỡng mặt đường phải được thực hiện khi cần thiết. Cống và mặt đường phải được bảo dưỡng thường xuyên nhằm thoát nước hiệu quả;

- Bề mặt sỏi đang trong tình trạng tốt không nên vun vào mép đường hoặc vào cống thoát nước;

- Nếu có điều kiện nên xây cống trên đường vận chuyển và đường vận xuất; các vị trí xây cống phải được đánh dấu trên đường vận xuất và vận chuyển; cống nên xây cao khoảng 0,5m và có thể tự thoát nước một cách hiệu quả vào khu vực rừng không bị tác động. Cống được xây dựng ở một góc nghiêng 45^0 so với hướng đường;

- Không cần xây cống nếu lớp đất mùn trên mặt đất đã bị trôi;

- Trong điều kiện đường vận chuyển và đường vận xuất bị xẻ vách, không nên xây cống ngang, mà nên làm “con lương” nhằm giảm tốc độ dòng chảy bề mặt;

- Bất kỳ vật cản nào ảnh hưởng xấu đến dòng chảy do hoạt động khai thác gây ra phải được gỡ bỏ cho đến khi dòng suối được trở lại bình thường, nhằm tránh sự cản trở dòng chảy và tạo điều kiện tái sinh rừng tự nhiên;

- Tắc cả các công trình vượt sông, suối tạm thời phải được dỡ bỏ ngay lập tức sau khi hoạt động khai thác tại hiện trường kết thúc, trừ trường hợp có ý kiến khác của chính quyền địa phương, việc này có thể dẫn đến gia tăng sự tác động lên bờ sông, suối và tình trạng bồi lắng dòng sông;

- Việc thoát nước trong khu vực gom gỗ hoạt động trên cầu cảng phải luôn đảm bảo tốt tránh không bị ứ đọng sau thời gian sử dụng;

- Sau khai thác, mặt đất sẽ phải được san lấp và định hình lại tới độ sâu 25 cm để bảo đảm thoát nước trên bề mặt. Các mảnh rơi vãi phải được trải đều trên diện tích đã khai thác.

VII. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

1. Giám sát trước khai thác

Giám sát trước khai thác là thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm phòng ngừa những thiệt hại quá mức, cụ thể là:

- Kiểm tra hiện trường nhằm kiểm tra mức độ chính xác của các thông tin, số liệu và cần chú trọng đến vị trí đường vận xuất, vận chuyển, cầu, cống, và vị trí, phân bố của các cây khác nhau, cũng như khu vực nhạy cảm, khu vực hành lang ven suối, khu kết nối, dễ bị xói mòn đất.

- Sau khi kiểm tra hiện trường, nếu thấy các thông tin, số liệu của bản kế hoạch khai thác là chính xác, thì có thể ký xác nhận về bản kế hoạch khai thác.

2. Kiểm tra trong và sau khai thác

- Trong quá trình khai thác phải thường xuyên theo dõi để uốn nắn kịp thời những sai sót.

- Thời gian kiểm tra vào giữa kỳ và cuối kỳ khai thác.

- Nội dung kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá thực hiện các nội dung quy định trong hoạt động khai thác: đường vận xuất, bãi gỗ, kỹ thuật chặt hạ, chiều cao gốc chặt, vận xuất, vệ sinh rừng...
 - + Đánh giá tác động đến khu vực hành lang ven suối, khi kết nối, các khu vực loại trừ do hoạt động khai thác gây ra, tác động đến môi trường;
 - + Đánh giá mức độ các sai phạm (nếu có) và đề xuất hướng xử lý.
 - Thành lập một ban kiểm tra, chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra và xây dựng các báo cáo;
 - Thành phần tham gia kiểm tra gồm chủ rừng, đơn vị khai thác. Kết quả kiểm tra, đánh giá phải lập thành biên bản để làm cơ sở thanh lý hợp đồng.
- Trên đây là sổ tay khai thác rừng trồng tác động thấp (RIL), đề nghị các phòng, đội trực thuộc, các tổ chức, các nhân liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nghiêm túc thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có nội dung không phù hợp hoặc có hướng dẫn mới của cấp trên sẽ sửa đổi bổ sung hàng năm./.